

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 03 - 7 - 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự về mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
L X.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Khóm B Đ 5, phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp P Tr, thị trấn Ch V, huyện P T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp M L, thị trấn P M, huyện P T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: số 175/13, khóm B Đ 5, phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang.

(ông D, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019, bản tự khai khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Minh D đại diện trình bày:

Từ năm 2013, bà M và ông H thỏa thuận hợp đồng miệng, theo đó bà M bán phụ phẩm cá tra (mỡ cá) cho ông H nhiều lần. Sau khi hai bên đối chiếu sổ sách xong thì ông H sẽ thanh toán (trả tiền) cho bà M.

Việc mua bán giữa hai bên diễn ra liên tục và đến ngày 26/10/2014, đối chiếu sổ sách thì ông H còn nợ bà M số tiền 478.707.747đ (bốn trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng). Lần đối chiếu này, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù bà M đã nhiều lần yêu cầu ông H trả.

Đến ngày 02/11/2014, ông H làm giấy cam kết trả nợ 478.707.747đ cho bà M và xin trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vào tháng 12/2014 cùng lãi suất chậm trả 03% nhưng ông H vẫn không thực hiện.

Nay bà M yêu cầu ông Hồ Văn H trả 478.707.747đ, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Hồ Văn H trình bày: Thừa nhận có Hợp đồng mua bán phụ phẩm cá tra nhiều lần với M như nguyên đơn trình bày; có nợ và làm tờ cam kết ngày 02/11/2014 thỏa thuận trả nợ như nội dung cam kết (chữ viết trong tờ cam kết là của bà M, ông H ký tên. Do làm ăn thua lỗ, nếu M đồng ý thì ông sẽ trả cho M tổng cộng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và trả dần cho đến khi dứt nợ. Trong tờ cam kết trên có nêu rõ số tiền 478.707.747,58đ bao gồm vốn và lãi 3% nhưng không nhớ rõ vốn là bao nhiêu và lãi là bao nhiêu, cũng không có giấy tờ, tài liệu để chứng minh số tiền trên là vốn và lãi.

Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả 478.707.747đ tiền mua bán phụ phẩm cá tra nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Văn H là bị đơn có nơi cư trú tại phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của khóm B Đ 5, phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, một hoặc các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên việc áp dụng thời hiệu là không cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà M yêu cầu ông H trả 478.707.747đ tiền mua bán phụ phẩm cá tra còn nợ; ông H thừa nhận số nợ trên và có làm tờ cam kết trả nợ, nhưng nay chỉ đồng ý trả dần đủ 200.000.000đ thì dứt nợ, với lý do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả. Xét các tài liệu có trong hồ sơ, cùng kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa thì thấy, các bên đều thừa nhận có giao dịch mua bán phụ phẩm cá tra và thống nhất số tiền còn nợ, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Thấy rằng, hợp đồng mua bán giữa các bên là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội trên cơ sở thuận mua vừa bán, hai bên đã giao nhận hàng xong. Việc mua bán đã hoàn thành theo quy định tại Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do người mua chưa trả tiền nên có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng, trong tổng số tiền bà M yêu cầu có vốn và lãi nhưng không có tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời khai của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Ông H xin trả dần đến khi đủ 200.000.000đ thì dứt nợ nhưng không được ông D đại diện nguyên đơn đồng ý. Tuy nhiên, vấn đề này, các đương sự có thể thỏa thuận, thương lượng tại giai đoạn thi hành án.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đương sự không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do có nghĩa vụ trả nợ nên ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật; bà M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

+ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc M đối với ông Hồ Văn H.

- Buộc ông Hồ Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Ngọc M số tiền 478.707.747 đồng (bốn trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đỗ Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 11.967.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003058 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh An Giang.

+ Ông Hồ Văn H phải chịu 23,148,310đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Để thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hiệp Phong